

Bản án số: 15/2019/HN&GD-ST

Ngày 29/01/2019.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Linh.

Bà Trương Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hùng Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn 8, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn N, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: thôn 8, xã C, huyện H, Thanh Hóa.

Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2018, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn chị Trần Thị T thể hiện như sau:

Chị Trần Thị T kết hôn với anh Lê Văn N vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống

không hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh N nghiện ma túy, không tu chí làm ăn. Anh Lê Văn N hiện đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 1 Thanh Hóa theo quyết định của Tòa án với thời gian 24 tháng. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Văn N.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Trần Q, sinh ngày 17/7/2011 và Lê Như T, sinh ngày 20/10/2012. Hiện nay cả 2 cháu đang ở với chị, nguyện vọng của chị được nuôi dưỡng cả 2 cháu và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai ngày 29/3/2018 của anh Lê Văn N:

Anh N và chị T kết hôn vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Sau khi cưới xong vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu cho đến năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N nghiện ma túy. Tháng 5 năm 2018 anh N bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 24 tháng và hiện nay anh N đang chấp hành quyết định tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa. Nay chị T làm đơn ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Trần Q, sinh ngày 17/7/2011 và Lê Như T, sinh ngày 20/10/2012. Ly hôn nguyện vọng của anh N muốn nuôi một cháu nhưng do hiện nay anh đang chấp hành quyết định tại Cơ sở cai nghiện ma túy nên anh đồng ý để chị T nuôi cả 2 cháu, sau này anh N chấp hành xong về sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, chấp nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận việc nuôi con chung. Chị Trần Thị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chỉ sông hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N nghiện ngập, chơi bời, không chăm lo đến gia đình và hiện nay anh N đang chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa, tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên đã thuận tình ly hôn và sự thuận tình đó là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận sự thuận tình của hai bên về việc ly hôn.

[2] Về con: Chị T và anh N có 02 con chung là Lê Trần Q, sinh ngày 17/7/2011 và Lê Như T, sinh ngày 20/10/2012. Hai bên đều có nguyện vọng nuôi con, nhưng xét thấy hiện nay anh N đang chấp hành quyết định của Tòa án tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa cho nên việc chăm sóc cho con của anh N là không thể được, hơn nữa các cháu đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên tiếp tục giao 2 cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản: Hai bên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tố tụng: Do bị đơn là anh Lê Văn N hiện đang chấp hành quyết định của Tòa án tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Thanh Hóa, anh N có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy Tòa án không tổ chức hòa giải và căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Lê Văn N.

Về con: Chị Trần Thị T và anh Lê Văn N có 02 con chung là Lê Trần Q, sinh ngày 17/7/2011 và Lê Như T, sinh ngày 20/10/2012. Giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Trần Q và cháu Lê Như T. Anh Lê Văn N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Trần Thị T chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa theo biên lai thu số AA/0004461 ngày 06 tháng 12 năm 2018 (chị T đã thi hành xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Hoằng Hóa.
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa.
- UBND xã L, C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
.Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng